

# QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ BẢN QUYỀN TẠI CÁC CƠ SỞ NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

PGS.TS. Vũ Thị Hải Yến

Trường Đại học Luật Hà Nội

Email: vuhaiyen73@gmail.com

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp 4.0, tài sản trí tuệ (TSTT) - trong đó có bản quyền đang trở thành yếu tố cạnh tranh quan trọng để thúc đẩy đổi mới và phát triển trong các cơ sở nghiên cứu, đào tạo. Bài viết phân tích những cơ hội và thách thức trong việc quản lý, bảo vệ bản quyền tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển mạnh mẽ hiện nay.

**Từ khoá:** Bản quyền, Sở hữu trí tuệ, Quản lý, Bảo vệ, Viện nghiên cứu, Trường Đại học, Cách mạng công nghiệp 4.0

## 1. Đặt vấn đề

Trong những thập kỷ qua, sự phát triển của TSTT và quản lý, bảo vệ TSTT đã trở thành mối quan tâm hàng đầu của các doanh nghiệp, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ và văn hóa<sup>1</sup>. Với vai trò là những “doanh nghiệp” cung cấp dịch vụ giáo dục cho xã hội, bản quyền (được hiểu bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan) là công cụ chính để các Viện nghiên cứu, Trường đại học thực hiện các hoạt động tạo ra và phổ biến tri thức, trong đó giá trị của nó có thể được nâng cao bởi những chính sách, chiến lược quản lý mang tính tích cực và chủ động. Nếu như trong quá khứ, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo như Trường đại học chỉ có hai sứ mệnh chính là giảng dạy và nghiên cứu để nắm giữ, truyền bá tri thức, thì trường đại học của thế kỷ 21 đã trở thành những tổ chức rất đa dạng và năng động, được củng cố thêm những sứ mệnh mới<sup>2</sup>. Trong bối cảnh kinh tế tri thức toàn cầu, ngày càng có nhiều Viện nghiên cứu, Trường đại học tham gia vào nhiệm vụ thứ ba là thương mại hóa và phân phối tri thức. SHTT đóng vai trò trung tâm không chỉ trong việc củng cố danh tiếng nghiên cứu và giảng dạy mà cả triển vọng thương mại hóa tài sản này. Cách mạng công nghiệp 4.0 đang đặt ra những cơ hội cũng như những thách thức trong việc quản lý và bảo vệ bản quyền như: nhận diện những đối tượng được bảo hộ bản quyền, áp dụng cơ chế quản lý và bảo vệ phù hợp để phát huy tối đa lợi ích của các TSTT này. Quản lý, bảo vệ bản quyền đóng vai trò quan trọng để các cơ sở nghiên cứu, đào tạo vừa bảo vệ được TSTT của mình, khai thác thương mại để thu lợi nhuận, đồng thời vẫn thực hiện nhiệm vụ cung cấp luồng tri thức mở mà toàn xã hội được hưởng lợi.

## 2. Vai trò của quản lý, bảo vệ bản quyền trong các cơ sở nghiên cứu, đào tạo

Quản lý TSTT (Intellectual Asset Management – IAM) là các hoạt động có hệ thống nhằm tạo lập, khai thác sử dụng, bảo vệ, duy trì và nâng cao giá trị của TSTT một

<sup>1</sup> WIPO: “Management of academic intellectual property and early stage innovation in countries in transition”, [https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo\\_pub\\_transition\\_2.pdf](https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_transition_2.pdf) (truy cập ngày 20/08/2024)

<sup>2</sup> Intellectual Property Office, “Intellectual Asset Management for Universities”, [https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment\\_data/file/308072/ipasset-management.pdf](https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment_data/file/308072/ipasset-management.pdf) (truy cập ngày 20/08/2024)

cách hiệu quả nhất. Nhận thức được vai trò của TSTT nói chung, bản quyền nói riêng đối với việc duy trì hoạt động, phát triển của mình, nhiều cơ sở nghiên cứu, đào tạo đã thành lập văn phòng chuyên trách, chịu trách nhiệm về quản lý, bảo vệ TSTT. Mục tiêu của việc quản lý bản quyền trong các cơ sở nghiên cứu, đào tạo là để phát triển, sử dụng, khai thác hiệu quả TSTT, tạo điều kiện tốt nhất cho việc truy cập, chia sẻ kiến thức và thương mại hoá thành công các kết quả sáng tạo trí tuệ. Quản lý, bảo vệ bản quyền đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, thể hiện qua các khía cạnh sau:

*Thứ nhất: Để duy trì hoạt động tự do của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo*

SHTT đóng một vai trò thiết yếu trong chức năng nghiên cứu và giảng dạy của các Viện nghiên cứu, Trường đại học. Thông qua các hoạt động nghiên cứu và phát triển (R & D), các cơ sở nghiên cứu, đào tạo đều tạo ra kết quả sáng tạo trí tuệ có thể được bảo hộ bản quyền, thậm chí có thể thương mại hoá<sup>3</sup>. TSTT được tạo ra trước hết để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và giảng dạy, bảo đảm cho các cơ sở nghiên cứu, đào tạo duy trì hoạt động và bảo vệ quyền tự do hoạt động của mình. Ví dụ, các chính sách quản lý TSTT rất cần thiết để các tổ chức nghiên cứu, đào tạo quản lý bản quyền đối với các tài liệu nghiên cứu, giảng dạy, để khai thác tài nguyên thư viện, bảo đảm các nhà nghiên cứu, giảng viên có thể xuất bản các nghiên cứu của mình hoặc người học có thể tiếp tục triển khai các nghiên cứu sau khi rời khỏi trường và trong các công việc tương lai.

*Thứ hai: Để TSTT được quản lý và bảo vệ hiệu quả*

Đối tượng được bảo hộ bản quyền trong các cơ sở nghiên cứu, đào tạo có phạm vi rất rộng, bao gồm toàn bộ những “tác phẩm” được tạo ra và phát triển từ hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn, và những hoạt động khác như: các kết quả nghiên cứu, chương trình máy tính, tài liệu giảng dạy, học tập... Với vai trò là “người quản lý tri thức”, yêu cầu đặt ra đối với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo là phải sử dụng kho kiến thức này một cách hiệu quả và sáng tạo hơn bao giờ hết. Trong quá trình hoạt động, các TSTT phát sinh từ các dữ liệu, thông tin hoặc bí quyết, tri thức mà một Trường đại học có thể sở hữu một cách hợp pháp, thông qua hoạt động sáng kiến và nghiên cứu phát triển đổi mới bên trong Trường hoặc tiếp nhận chuyển giao từ bên ngoài. Quy trình quản lý TSTT giúp cho Trường đại học nhận diện và phân loại các tài sản để tổ chức tốt hơn quá trình khai thác đối với từng loại tài sản. Nếu Trường đại học không quản lý tốt TSTT của mình sẽ dẫn đến lãng phí các tài nguyên trí tuệ. Nếu Trường đại học không phát hiện, không ý thức được sự tồn tại của các sản phẩm trí tuệ vốn có của mình do đó không khai thác, phát triển chúng sẽ dẫn đến hậu quả là các tài nguyên trí tuệ vì thế dần bị mai một.

*Thứ ba: Để bản quyền có thể được ứng dụng hay chuyển giao ngay lập tức.* Qua việc quản lý TSTT, các cơ sở nghiên cứu đào tạo có thể khai thác hiệu quả kho tri thức mà họ tích lũy được, đồng thời tiếp tục phát triển thông qua hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Nếu “kho tri thức” mà các tổ chức này đang nắm giữ không được ứng dụng hay chuyển giao kịp thời sẽ lãng phí và dần trở nên lạc hậu. Ngược lại, việc ứng dụng và chuyển giao kịp thời các tri thức không chỉ mang lại những giá trị về thương mại, uy tín, danh tiếng cho các

---

<sup>3</sup> Intellectual Property Office, tldd

cơ sở nghiên cứu, đào tạo mà còn đóng góp cho sự phát triển kinh tế, xã hội. Việc ứng dụng hay chuyển giao ứng dụng từ bản quyền thường thông qua các hợp đồng chuyển giao hay hoạt động hợp tác để khai thác kết quả nghiên cứu cũng như hợp tác trong nghiên cứu, giảng dạy với đối tác. Để thực hiện điều này, họ cần phải có các thỏa thuận về SHTT để đảm bảo quyền sở hữu hay quyền sử dụng TSTT hiện có và khai thác TSTT phát sinh từ nghiên cứu, đồng thời cân bằng điều này với việc hợp tác với các tổ chức khác, công cộng hoặc tư nhân. Có ba điểm chính cần được xem xét khi hình thành hợp đồng chuyển giao bản quyền: ranh giới giữa bản quyền và quyền truy cập; các trường hợp sử dụng chính đáng, không phải trả phí; hành vi thương mại hóa và đạo đức. Phần lớn các của trường đại học được phổ biến miễn phí thông qua giảng dạy hay xuất bản, cụ thể là qua các tài liệu giảng dạy, đề tài nghiên cứu, ấn phẩm khoa học (tài liệu hội thảo, tọa đàm)...

*Thứ tư: Thúc đẩy tạo ra các sản phẩm sáng tạo mới*

Hoạt động nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở nghiên cứu đào tạo được cải thiện, đổi mới không ngừng, chính là động lực khuyến khích tạo ra các kiến thức, sản phẩm sáng tạo mới. Những kiến thức này được truyền đạt, trao đổi thông qua các công trình nghiên cứu, hội nghị học thuật, hợp tác nghiên cứu, giảng dạy hoặc thỏa thuận chuyển giao TSTT.

### **3. Cơ hội và thách thức trong quản lý, bảo vệ bản quyền của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo trong Cách mạng Công nghiệp 4.0**

#### **3.1. Nhận diện những đối tượng mới được bảo hộ bản quyền**

Đối tượng được bảo hộ bản quyền trong các cơ sở nghiên cứu, đào tạo là những sản phẩm sáng tạo trí tuệ được tạo ra trong các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn, hợp tác và những hoạt động khác như: các tài liệu, học liệu, bản vẽ, bản mô tả kỹ thuật... dùng trong nghiên cứu, giảng dạy; các kết quả nghiên cứu của nhân viên cũng như người học; các phần mềm ứng dụng phục vụ các hoạt động chuyên môn; các sản phẩm thông tin, truyền thông như website, tài liệu quảng cáo, bài hát truyền thống, logo, biểu tượng, khẩu hiệu... Nền công nghiệp 4.0 khẳng định TSTT là loại tài sản chiếm đa phần trong cấu trúc của các tổ chức, doanh nghiệp. Để kiếm được tiền hay nói cách khác để khai thác hiệu quả TSTT thì trước tiên phải nhận diện nó là gì tồn tại ở đâu trong cơ sở nghiên cứu, đào tạo và giá trị là bao nhiêu từ đó có cách thức quản lý hợp lý và khai thác hiệu quả.

Đặc tính của quyền tác giả, quyền liên quan là việc bảo hộ phát sinh một cách mặc nhiên, không phụ thuộc vào thủ tục đăng ký, cũng không phụ thuộc vào chất lượng, giá trị hay hình thức thể hiện của tác phẩm. Do đó, các sản phẩm sáng tạo thuộc lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học, thông tin, truyền thông của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo sẽ được bảo hộ quyền tác giả/quyền liên quan một cách tự động. Bên cạnh đó, những tri thức như: những ý tưởng mới, sáng kiến, bí quyết, quy trình quản lý... cũng là những TSTT có giá trị đối với hoạt động của các cơ sở nghiên cứu đào tạo. TSTT thuộc nhóm này còn được gọi bằng thuật ngữ “Soft IP” (SHTT mềm) để phân biệt với “Hard IP” (SHTT cứng) – là những đối tượng được bảo hộ quyền SHTT. Phạm vi “Soft IP” còn có thể mở rộng đến bất kỳ đối tượng nào chưa được cấp văn bằng bảo hộ như các giải pháp kỹ thuật chưa được cấp bằng sáng chế,

thậm chí để mô tả cả con người và kỹ năng của họ<sup>4</sup>. Mặc dù không được bảo hộ quyền SHTT, những TSTT thuộc nhóm này khi khai thác, sử dụng hiệu quả vẫn có thể mang lại những lợi ích cho chủ thể nắm giữ. Thậm chí, những ý tưởng, sáng kiến ban đầu có thể tiếp tục được nghiên cứu, phát triển để trở thành đối tượng SHTT được bảo hộ trong tương lai. Do đó, việc nhận thức đầy đủ về TSTT sẽ giúp các cơ sở nghiên cứu, đào tạo có cách thức quản lý phù hợp, tránh việc bỏ quên hoặc lãng phí những ý tưởng, sáng kiến, giải pháp, cũng như để phát triển và biến nó thành quyền SHTT.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (The Fourth Industrial Revolution) về bản chất là nền công nghiệp dựa trên nền tảng công nghệ số và tích hợp tất cả các công nghệ thông minh để tối ưu hóa quy trình, phương thức sản xuất. Trong bối cảnh đó, phạm vi đối tượng được bảo hộ bản quyền của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo không ngừng được mở rộng, là bộ phận cấu thành giá trị của hàng hóa, dịch vụ mà các tổ chức này cung cấp ra thị trường và tạo ra khả năng cạnh tranh cho họ.

*Dữ liệu lớn (Big Data)*: là một trong những công nghệ quan trọng nhất được áp dụng trong Công nghiệp 4.0, liên quan đến việc thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu với các thuật toán thông minh. Dữ liệu lớn là tập hợp đa dạng và khổng lồ các loại dữ liệu chi tiết khác nhau. Tập hợp dữ liệu này lớn đến mức vượt qua khả năng của các chương trình máy tính thông thường trong việc nắm bắt, quản lý và xử lý trong một khoảng thời gian”.<sup>5</sup> Dữ liệu lớn được đánh giá như một loại tài sản mới với giá trị ngày càng gia tăng trong thời đại kỹ thuật số. Trong hoạt động của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, việc thu thập, sắp xếp và trình bày thông tin dữ liệu rất phổ biến như: Dữ liệu người lao động, sinh viên, cộng tác viên, nhà nghiên cứu, dữ liệu công trình khoa học, học liệu, dữ liệu các khoá học, ngành học, dữ liệu tài chính... Dưới góc độ pháp lý, “dữ liệu lớn” có thể bảo hộ theo hai cơ chế quyền SHTT là quyền tác giả và bí mật kinh doanh. Liên quan đến Big data, cơ chế quyền tác giả có thể áp dụng để bảo hộ đối với ba đối tượng: (i) quyền tác giả đối với phần mềm máy tính (thuật toán) được áp dụng trong thu thập và xử lý dữ liệu; (ii) quyền tác giả đối với bản thân bộ sưu tập dữ liệu đã thu thập được; và (iii) quyền tác giả đối với các kết quả (tác phẩm) được tạo ra thông qua các công nghệ Big data. Công ước Berne về bảo hộ quyền tác giả tại Điều 2.5 quy định việc bảo hộ đối với các “các tuyển tập” hay “hợp tuyển”, “nhờ phương pháp chọn lọc và kết cấu tư liệu mà tạo thành một sáng tạo trí tuệ, cũng được bảo hộ như một tác phẩm mà không phương hại đến quyền tác giả của các tác phẩm tạo nên các hợp tuyển này”.<sup>6</sup> Điều kiện để bộ sưu tập được bảo hộ quyền tác giả chính là sự sáng tạo trong lựa chọn, sắp xếp hoặc tổ chức tập hợp các dữ liệu riêng lẻ. Như vậy, bên cạnh việc bảo hộ quyền tác giả đối với từng nội dung nằm trong bộ sưu tập (nếu từng nội dung này đủ điều kiện bảo hộ là

---

<sup>4</sup>Intellectual Property Office, tldd

<sup>5</sup> Snijders, C; Matzat, U và Reips, U (2012), “Big Data: Big gaps of knowledge in the field of Internet”, *International Journal of Internet Science*, [https://www.researchgate.net/publication/231021899\\_Big\\_Data\\_Big\\_Gaps\\_of\\_Knowledge\\_in\\_the\\_Field\\_of\\_Internet\\_Science](https://www.researchgate.net/publication/231021899_Big_Data_Big_Gaps_of_Knowledge_in_the_Field_of_Internet_Science) (Truy cập ngày 20/08/2024)

<sup>6</sup> Điều 2(5), Công ước Berne về bảo hộ tác phẩm văn học và nghệ thuật năm 1886 (sửa đổi năm 1979), <https://www.wipo.int/wipolex/en/text/283698>, (Truy cập ngày 20/08/2024)

tác phẩm), quyền tác giả đối với chính bộ sưu tập đã được ghi nhận trong Công ước Berne. Tiếp theo, Điều 10.2 Hiệp định về các khía cạnh thương mại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) quy định: “Các bộ sưu tập dữ liệu hoặc tư liệu khác, dù dưới dạng đọc được bằng máy hay dưới dạng khác, mà việc tuyển chọn hoặc sắp xếp nội dung chính là thành quả của hoạt động trí tuệ đều phải được bảo hộ. Việc bảo hộ nói trên, với phạm vi không bao hàm chính các dữ liệu hoặc tư liệu đó, không được làm ảnh hưởng tới bản quyền đang tồn tại đối với chính dữ liệu hoặc tư liệu đó”.<sup>7</sup> Quy định này của TRIPS tiếp tục khẳng định bất kỳ cơ sở dữ liệu nào cũng được bảo vệ bản quyền, không phụ thuộc vào hình thức (hay định dạng), nội dung hay bản chất của tài liệu tổng hợp.

Để bộ sưu tập dữ liệu được bảo hộ quyền tác giả thì việc lựa chọn, sắp xếp các dữ liệu đơn lẻ phải có “tính sáng tạo” của người thu thập, sắp xếp. Nếu việc tổng hợp, sắp xếp dữ liệu, thông tin thuần túy do máy móc, hay do thuật toán của chương trình máy tính chọn lọc, sắp xếp một cách tự động thì bộ sưu tập dữ liệu sẽ không đáp ứng được điều kiện để được bảo hộ quyền tác giả. Ví dụ: việc sắp xếp các thư mục tài liệu theo bảng chữ cái ABC của tên tác giả, hay việc thống kê lượt người truy cập vào website của Trường đại học để tìm kiếm thông tin một cách tự động sẽ không được bảo hộ quyền tác giả. Tuy nhiên, nếu việc sưu tập dữ liệu có sự tham gia của con người, thể hiện ở việc kiểm soát, thu thập, sắp xếp thông tin một cách có chọn lọc và sáng tạo thì dữ liệu lớn đủ điều kiện để được bảo hộ quyền tác giả. Ví dụ: Dữ liệu thông tin về học liệu trong thư viện điện tử của Trường đại học được chọn lọc, sắp xếp theo loại hình tài liệu, chủ đề (nội dung)... vẫn có thể được bảo hộ bản quyền.

Đối với việc bảo hộ quyền tác giả đối với dữ liệu lớn trong các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, có một số vấn đề cần lưu ý: *Thứ nhất*, cần xem xét những tài liệu được chọn lọc, thu thập để đưa vào bộ sưu tập dữ liệu có phải là tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả không? Nếu tài liệu được đưa vào bộ sưu tập là tác phẩm có bản quyền (ví dụ: luận văn, luận án, đề án, đề tài nghiên cứu của người học thì khi đưa vào cơ sở dữ liệu cần phải có sự cho phép của chủ sở hữu quyền tác giả. Tùy từng Trường đại học, việc “cho phép” có thể thông qua một thỏa thuận bằng văn bản giữa Trường đại học và người học, hoặc một Quy chế SHTT (mang tính áp đặt như một “li-xăng cứng bức”) trong đó người học có nghĩa vụ cho phép Trường đại học được sử dụng kết quả nghiên cứu của người học đưa cơ sở dữ liệu của Thư viện để phục vụ cho mục đích tra soát, nghiên cứu. *Thứ hai*, việc bảo hộ quyền tác giả đối với cơ sở dữ liệu chỉ bảo hộ về hình thức thể hiện - tức là sự sắp xếp của các dữ liệu chứ không bảo hộ nội dung thông tin. Do đó, các thông tin dữ liệu bên trong như: thông tin về công trình khoa học, các chương trình, khoá học, thông tin về người học, đối tác... của Trường đại học sẽ không được bảo hộ bản quyền. Sức mạnh của dữ liệu lớn không nằm ở bản thân các thông tin trong nó, mà nằm ở giá trị có được khi các thông tin này kết hợp với nhau.<sup>8</sup> Đối với những thông tin trong dữ liệu của Trường đại học, phần lớn là dạng dữ liệu

---

<sup>7</sup> Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ được sửa đổi bởi Nghị định thư 2005 sửa đổi Hiệp định TRIPS, [https://www.wto.org/english/docs\\_e/legal\\_e/trips\\_e.htm#art1](https://www.wto.org/english/docs_e/legal_e/trips_e.htm#art1) (Truy cập ngày 20/08/2024)

<sup>8</sup>Xiaomeng Su (2108), *Introduction to Big Data*, Institutt for informatikk og e-l ring ved NTNU, <https://lagesoft.files.wordpress.com/2018/11/bd-introduction-to-big-data.pdf>, (Truy cập ngày 20/08/2024)

thô, không trực tiếp tạo ra giá trị. Sức mạnh của dữ liệu lớn nằm ở hoạt động phân tích dữ liệu và các hành động được thực hiện nhờ kết quả của các phát hiện từ sự phân tích đó.”<sup>9</sup> Bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0 tạo ra một môi trường liên kết thông tin, trong đó những thông tin được xử lý trở nên có giá trị cao và đáng được bảo vệ. Giá trị này xuất phát từ việc người nắm giữ thông tin có khả năng phân tích, xử lý thông tin để tạo ra những tri thức mới, những cải tiến mới có thể mang lại lợi ích cạnh tranh. Vì vậy, quyền sử dụng các thông tin dữ liệu này cũng như những bộ dữ liệu tổng hợp và các tri thức có được từ những thông tin dữ liệu này có tầm quan trọng đặc biệt đối với các tổ chức/doanh nghiệp cần được bảo vệ trong Công nghiệp 4.0. *Thứ ba:* Trong hoạt động của Trường đại học, có những cơ sở dữ liệu không đáp ứng yêu cầu về tính sáng tạo để được bảo hộ quyền tác giả, như: dữ liệu thống kê về người học, cựu sinh viên, đối tác, dữ liệu tài chính... nhưng các Trường đại học vẫn phải đầu tư nhiều thời gian, công sức, tài chính cho việc thu thập thông tin. Bản thân những thông tin này khi được phân tích, xử lý sẽ có thể mang đến những tri thức mới có giá trị. Do đó, Trường đại học vẫn có nhu cầu bảo vệ đối với dữ liệu mà họ đã phải đầu tư đáng kể để thu thập, chọn lọc, sắp xếp, trình bày nội dung của cơ sở dữ liệu. Việc bảo hộ quyền tác giả hiện nay không thể giúp chủ sở hữu ngăn chặn việc người khác trích xuất, sử dụng những nội dung trong cơ sở dữ liệu, trừ khi dữ liệu đó là tác phẩm được bảo hộ. Điều này đặt ra nhu cầu cần thiết lập một hình thức bảo vệ mới cho cơ sở dữ liệu (bên cạnh cơ chế quyền tác giả) để cấp các quyền thích hợp cho những người đầu tư tạo ra cơ sở dữ liệu trong việc ngăn chặn việc khai thác, sử dụng nội dung trong cơ sở dữ liệu, để bảo đảm cho việc giúp họ thu hồi khoản đầu tư vào việc tạo dựng cơ sở dữ liệu.

*Internet kết nối vạn vật:* Công nghiệp 4.0 là cuộc cách mạng số mà cốt lõi của nó là Internet kết nối vạn vật (IoT) tạo ra mạng lưới liên kết cho phép các Trường đại học có thể chia sẻ, trao đổi thông tin độc quyền, kỹ thuật và hợp tác với đối tác, người học, nhà nghiên cứu... Các Trường đại học có thể hưởng lợi từ những mạng lưới liên kết, đồng thời cũng đặt ra những thách thức trong việc bảo vệ dữ liệu thông tin của Trường đại học chống lại những rủi ro từ việc bị ăn cắp, sử dụng thông tin trái phép hoặc bị người khác tiết lộ thông tin. TSTT của Trường đại học đa phần đều đến từ những nhân viên, người học... Nên nếu bản thân Trường đại học không có những quy định nội bộ rõ ràng về việc xác định chủ sở hữu, quyền và nghĩa vụ, chuyển giao quyền sở hữu đối với các TSTT, sẽ rất dễ xảy ra tranh chấp nếu người lao động tạo ra được các sản phẩm có giá trị kinh tế cao trong quá trình làm việc mà không xuất phát từ yêu cầu của doanh nghiệp.

*Sản phẩm do trí tuệ nhân tạo (AI) tạo ra:* Theo đánh giá của Tổ chức SHTT thế giới WIPO, AI “có khả năng tác động đáng kể trong tương lai đến việc tạo ra, sản xuất và phân phối các sản phẩm và dịch vụ kinh tế cũng như văn hoá”. Xu hướng ứng dụng công nghệ AI ngày càng phát triển trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội cũng như lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo. Với khả năng hiểu đa phương thức (ngôn ngữ và hình ảnh) và tạo văn bản, công nghệ AI như ChatGPT có thể hỗ trợ người dùng trong việc trả lời các câu hỏi, tư vấn thông tin, đưa ra gợi ý, tóm tắt và hoàn thiện văn bản. Đối với lĩnh vực giáo dục, công nghệ AI hỗ trợ tích cực và hiệu quả cho các hoạt động học tập trực tuyến cũng như hoạt

---

<sup>9</sup> Xiaomeng Su (2108), *tlđđ*

động nghiên cứu chuyên sâu, tìm kiếm thông tin. Công nghệ AI đang mang đến những cơ hội mới trong việc tạo ra các sản phẩm sáng tạo, cũng như hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động quản lý, khai thác và bảo vệ quyền SHTT.

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ AI trong việc tạo ra các tác phẩm văn học nghệ thuật đang đặt ra vấn đề xem xét yêu cầu về “tính sáng tạo nguyên gốc” của tác phẩm và vai trò của con người trong quá trình sáng tạo của AI. Hầu hết các tác phẩm do máy tính tạo ra phụ thuộc nhiều vào thuật toán cơ bản và đầu vào sáng tạo của các lập trình viên, còn máy tính được coi là công cụ giống như cọ vẽ để tạo ra các tác phẩm nghệ thuật. Thực tiễn pháp lý trên thế giới thời gian vừa qua đã có nhiều vụ tranh chấp, kiện tụng liên quan đến việc cá nhân, tổ chức yêu cầu được công nhận bản quyền đối với những tác phẩm do AI sáng tạo ra. *Vụ Stephen Thaler đăng ký quyền tác giả đối với các tác phẩm hội họa do AI tạo ra.* Năm 2018, ông Stephen Thaler (chủ sở hữu một hệ thống AI được gọi là “Cỗ máy sáng tạo”) đã nộp đơn đăng ký quyền tác giả đối với các tác phẩm hội họa có tên “Lối vào thiên đường” (A Recent Entrance to Paradise) được tạo ra tự động bằng hệ thống máy tính. Ông Thaler lập luận rằng quyền tác giả được chuyển giao cho ông theo học thuyết Tác phẩm được thuê làm (work made for hire), vì với tư cách là chủ sở hữu của Cỗ máy sáng tạo, ông sẽ có quyền sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm mà người lao động (cỗ máy sáng tạo) tạo ra. Tuy nhiên, USCO đã từ chối đăng ký cho tác phẩm nghệ thuật này với lý do tác phẩm thiếu yếu tố được tạo ra bởi tác giả con người<sup>10</sup>. Ông Thaler sau đó đã yêu cầu xem xét lại đơn đăng ký của ông trong vụ kiện USCO. Thẩm phán Beryl A. Howell đã đứng về phía cơ quan này với kết luận rằng chỉ có tác phẩm mà tác giả là con người mới được cấp bản quyền<sup>11</sup>. *Vụ bà Kashtanova đăng ký quyền tác giả cho Tác phẩm truyện tranh có sự tham gia sáng tạo của AI mang tên “Zarya of the Dawn”.* Ngày 15 tháng 9 năm 2022, bà Kashtanova nộp đơn đăng ký bản quyền cho Tác phẩm truyện tranh có tên “Zarya of the Dawn” và được cấp đăng ký theo số đăng ký V Au001480196. Trong đơn đăng ký quyền tác giả, bà Kashtanova tuyên bố mình là tác giả đã tạo ra cuốn truyện tranh và không hề tiết lộ việc đã sử dụng AI để tạo ra một phần hình ảnh của tác phẩm. USCO sau khi biết được bà Kashtanova đã tạo ra cuốn truyện tranh bằng hệ thống AI có tên là Midjourney thông qua các tuyên bố trên mạng xã hội, đã quyết định xem xét lại việc đăng ký bản quyền đối với tác phẩm. Qua các chứng cứ mà bà Kashtanova cung cấp theo yêu cầu của USCO, Văn phòng bản quyền Hoa Kỳ chỉ công nhận phần văn bản và việc lựa chọn, sắp xếp thể hiện các hình ảnh trong tác phẩm đáp ứng được yêu cầu về mức độ sáng tạo tối thiểu để được bảo hộ bản quyền; còn các hình ảnh được tạo bởi AI Midjourney không đáp ứng được yêu cầu về tính nguyên gốc để được bảo hộ bản quyền. Kết quả là ngày 21/02/2023, USCO đã hủy đăng ký trước đó và thay thế nó bằng đăng ký mới bao gồm quyền tác giả dành cho bà Kashtanova đối với phần sáng tạo là “văn bản” và “sự lựa chọn, điều phối, sắp xếp văn bản, hình ảnh do tác giả tạo” và loại trừ bảo hộ quyền tác giả đối với các hình ảnh được tạo ra bởi AI<sup>12</sup>.

<sup>10</sup><https://www.copyright.gov/ai/docs/district-court-decision-affirming-refusal-of-registration.pdf>, truy cập 22/08/2024

<sup>11</sup><https://www.dechert.com/knowledge/onpoint/2023/8/u-s--district-court-rules-that-ai-generated-artwork-is-not-eligible.html>, truy cập 22/08/2024

<sup>12</sup><https://www.copyright.gov/docs/zarya-of-the-dawn.pdf>, truy cập 22/08/2024

Hiện nay, pháp luật SHTT Việt Nam chưa có bất kỳ hướng dẫn nào liên quan đến vấn đề bảo hộ quyền tác giả đối với những tác phẩm do AI tạo ra. Khoản 7 Điều 4 Luật SHTT Việt Nam quy định: “*Tác phẩm là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học được thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào*”. Khoản 3 Điều 14 quy định tác phẩm được bảo hộ “*phải do tác giả trực tiếp sáng tạo ra bằng lao động trí tuệ của mình mà không sao chép từ tác phẩm của người khác*”. Quy định này cho thấy pháp luật SHTT Việt Nam tiếp cận điều kiện về tính sáng tạo nguyên gốc của tác phẩm theo Thuyết đồ mờ hôi trán, nhấn mạnh yếu tố sáng tạo độc lập (không sao chép từ tác phẩm của người khác) và là kết quả của lao động trí tuệ (của con người), mà không đòi hỏi yêu cầu về “mức độ sáng tạo tối thiểu” hay tính độc đáo, dấu ấn sáng tạo riêng của tác giả. Điều này sẽ dễ dàng hơn cho việc chấp nhận bảo hộ quyền tác giả đối với những sáng tạo liên quan đến AI. Tuy nhiên, cũng như các quốc gia theo hệ thống Châu Âu lục địa, pháp luật Việt Nam coi tác giả là trung tâm của hệ thống bản quyền, nên quyền tác giả (author’s right) chỉ có thể dành cho chủ thể sáng tạo là con người. Việc bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm có sự tham gia của AI vào quá trình sáng tạo sẽ phụ thuộc vào vấn đề xem xét tác phẩm là “kết quả của quá trình sản sinh của máy móc” hay chúng phản ánh “quan niệm tinh thần của chính tác giả”<sup>13</sup>. Vì vậy, chỉ xem xét việc bảo hộ quyền tác giả đối với các tác phẩm do AI tạo ra nếu có sự tham gia sáng tạo của con người đối với việc hình thành tác phẩm và AI chỉ được xem là “công cụ hỗ trợ” hoặc nâng cao khả năng sáng tạo của con người trong việc tạo ra tác phẩm. Do đó, để được bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm có phần nội dung do AI tạo ra, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo cần lưu ý một số yêu cầu: (i) Để tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả, yếu tố sáng tạo của con người phải được thể hiện rõ ở việc lựa chọn, sắp xếp những tài liệu do AI tạo ra, hay sửa đổi những tài liệu do AI tạo ra đến mức nó đáp ứng tiêu chuẩn về tính sáng tạo nguyên gốc; (ii) Đối với tác phẩm có nội dung sáng tạo của AI, quyền tác giả chỉ bảo hộ cho những yếu tố sáng tạo của con người, độc lập và không liên quan phần nội dung do AI tạo ra;

### **3.2. Xác định tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả**

Ngày nay, các sản phẩm được tạo ra bởi AI có xu hướng gia tăng và là những sản phẩm có giá trị thương mại cao, được ứng dụng vào nhiều lĩnh vực của cuộc sống. Việc tạo ra những sản phẩm này thường đòi hỏi nguồn lực đầu tư lớn. Quyền tác giả đối với tác phẩm do hệ thống AI tạo ra sẽ thuộc về ai là vấn đề đang gây nhiều tranh cãi hiện nay. Hoạt động sáng tạo của AI có sự can thiệp của nhiều chủ thể, bao gồm các lập trình viên máy tính, những người cung cấp dữ liệu đầu vào để huấn luyện, đào tạo AI, hoặc những người dùng AI để tạo kết quả đầu ra. Những chủ thể này có thể được xem xét là tác giả nếu họ chính là người đứng sau điều khiển, sử dụng AI như một công cụ để tạo ra tác phẩm theo ý tưởng, cách thức thể hiện mà họ mong muốn. Trường hợp các chủ thể này cùng hợp tác, đóng góp trí tuệ để tạo nên tác phẩm thì có thể được ghi nhận là đồng tác giả. Pháp luật quyền tác giả chỉ ghi nhận tác giả hay đồng tác giả là con người, nên AI sẽ không có tư cách đồng tác giả. Do đó, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo cần xác định rõ vai trò và quyền hạn của những chủ thể liên quan đến hoạt động tạo ra các sản phẩm sáng tạo của AI bao gồm:

---

<sup>13</sup> Andres Guadamuz, University of Sussex, United Kingdom “*Artificial intelligence and copyright*”, October 2017, [https://www.wipo.int/wipo\\_magazine/en/2017/05/article\\_0003.html](https://www.wipo.int/wipo_magazine/en/2017/05/article_0003.html), truy cập 22/08/2024



*Người sáng tạo AI:* bao gồm các lập trình viên ban đầu, các nhà thiết kế hoặc nhà sản xuất hệ thống AI. Đây là chủ thể tạo ra hệ thống AI, từ đó mới có sản phẩm đầu ra của AI. Lập luận trao quyền SHTT cho người sáng tạo AI đã có tiền lệ trong lĩnh vực bản quyền. Đạo luật Quyền tác giả, Thiết kế và Sáng chế của Vương Quốc Anh năm 1988 (Copyright, Designs and Patents Act - CDPA), Mục 178 ghi nhận quyền tác giả đối với “tác phẩm do máy tính tạo ra” theo đó, tác giả của tác phẩm (vì mục đích bảo hộ bản quyền) sẽ là “người thực hiện việc sắp xếp cần thiết cho việc tạo ra tác phẩm”<sup>14</sup>. Điểm tích cực của cách tiếp cận này là bảo vệ được quyền lợi hợp pháp cho những người sáng tạo ra hệ thống máy tính hay AI để khuyến khích hoạt động sáng tạo và đầu tư của họ. Bên cạnh đó nó cũng tồn tại một số bất cập: (i) Theo pháp luật bản quyền, quyền tác giả gắn liền với quá trình hình thành tác phẩm. Nếu trao quyền tác giả cho lập trình viên hay nhà sản xuất AI thì vô hình chung đã loại bỏ quyền tác giả ra khỏi quá trình sáng tạo<sup>15</sup>; (ii) do tính “tự chủ” và tính “không thể dự đoán trước” của AI ngày càng phát triển, dẫn đến khả năng sản phẩm đầu ra của AI không còn liên hệ với yêu cầu ban đầu của lập trình viên. Việc tác phẩm do AI tạo ra sẽ như thế nào có thể nằm ngoài dự đoán và sự chi phối, điều khiển của người lập trình. Nói cách khác, tác phẩm đó không phải là sản phẩm sáng tạo phản ánh tư tưởng, cảm xúc hay trí tuệ của người lập trình viên. Do đó, nếu trao quyền tác giả trong tình huống này không còn phù hợp.

*Người huấn luyện, cung cấp dữ liệu đầu vào cho AI:* Bên cạnh lập trình viên, người đào tạo hệ thống AI thông qua cung cấp dữ liệu đầu vào hoặc quyết định sửa đổi hoặc chọn một số đầu ra nhất định cho AI cũng đóng vai trò quan trọng đối với sản phẩm đầu ra của AI. Nếu chứng minh được sự can thiệp của họ có tính quyết định vào quá trình hình thành tác phẩm thì họ xứng đáng được công nhận quyền tác giả. Trong trường hợp này, tác phẩm do AI tạo ra giống như tác phẩm phái sinh (tác phẩm được sáng tạo dựa trên tác phẩm đã có). Người đóng vai trò quyết định đến yếu tố sáng tạo mới của tác phẩm phái sinh được ghi nhận quyền tác giả.

*Người sử dụng AI:* Trong một số trường hợp, người sử dụng hệ thống AI cũng có đóng góp đáng kể vào sản phẩm đầu ra của AI. Điển hình như đối với ứng dụng ChatGPT, nội dung đầu ra của ChatGPT có sự tham gia sáng tạo của hai chủ thể là người sử dụng ChatGPT và ChatGPT. Người sử dụng ChatGPT mặc dù không trực tiếp thực hiện quá trình sáng tạo nhưng họ là người đưa ra “sự gợi ý” thông qua việc nhập thông tin vào ChatGPT, nhờ đó ChatGPT tạo ra các nội dung có giá trị. Quan điểm ủng hộ chủ thể này cho rằng sự gợi ý đó của người sử dụng ChatGPT là minh chứng cho việc người sử dụng có ý tưởng và có sự sáng tạo nhất định. Người sử dụng AI không đơn giản chỉ thực hiện việc “nhấn nút” để hệ thống AI hoạt động mà họ có thể là người lựa chọn, sắp xếp sản phẩm đầu ra của AI để tạo ra một sản phẩm hoàn chỉnh. Người sử dụng AI có thể yêu cầu được công nhận quyền tác

---

<sup>14</sup>Đạo luật Quyền tác giả, Thiết kế và Sáng chế của Vương Quốc Anh năm 1988 <https://www.legislation.gov.uk/ukpga/1988/48/section/178>, truy cập 22/08/2024

<sup>15</sup>Jozefien Vanherpe “AI and IP – Great Expectation” [https://www.researchgate.net/publication/356811479\\_AI\\_and\\_IP\\_-\\_Great\\_Expectations](https://www.researchgate.net/publication/356811479_AI_and_IP_-_Great_Expectations), truy cập 22/08/2024

giả khi họ đã có những lựa chọn và chỉnh sửa những nguyên liệu mà AI tạo ra một cách sáng tạo để tạo ra sản phẩm cuối cùng.

Ở các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, việc sử dụng AI để hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, học tập ngày càng trở nên phổ biến. Do đó, để tránh những tranh chấp liên quan đến bản quyền giữa các nhà nghiên cứu, giữa giảng viên và người học, giữa người lao động với chủ sử dụng lao động..., các cơ sở nghiên cứu đào tạo cần bổ sung hướng dẫn về việc xác định tác giả, chủ sở hữu đối với những tác phẩm có sự tham gia sáng tạo của AI. Những chủ thể như người sáng tạo AI, người đào tạo, huấn luyện hay người sử dụng AI có thể được công nhận là tác giả khi thông qua công cụ AI, họ có thể tạo ra tác phẩm theo ý tưởng, cách thức thể hiện mà họ mong muốn và tác phẩm do AI tạo ra là sự thể hiện tư tưởng, cảm xúc, nhân sinh quan của họ. Bên cạnh tác giả, tư cách chủ sở hữu quyền tác giả có thể trao cho “nhà đầu tư”. Các cơ sở nghiên cứu đào tạo sẽ là chủ sở hữu quyền tác giả khi họ là chủ sở hữu hệ thống AI, chủ sở hữu hệ thống dữ liệu được sử dụng để huấn luyện AI, hay nhà đầu tư cho việc tạo ra tác phẩm bằng công nghệ AI.

### ***3.3. Những thách thức trong bảo vệ, thực thi bản quyền tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo***

Sự phát triển của Internet và các công nghệ hiện đại tạo cơ hội cho việc dễ dàng sáng tạo, truy cập, lưu giữ, phổ biến, chia sẻ các tài liệu học thuật. Điều này cũng là tiền đề cho những hành vi xâm phạm, những xung đột về quyền sở hữu cũng như quyền sử dụng, khai thác các TSTT này. Vì vậy, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo cần có chính sách SHTT phù hợp để vừa tạo cơ sở cho các tổ chức này quản lý bản quyền của mình, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các Nhà nghiên cứu, Người học cũng như bên thứ ba có thể tiếp cận, sử dụng thông tin vào những mục đích chính đáng như nghiên cứu khoa học, học tập. Xu thế toàn cầu hoá hiện nay đòi hỏi các cơ sở nghiên cứu, đào tạo phải mở cửa cho hợp tác quốc tế, bao gồm cả hoạt động công bố, trao đổi, chia sẻ thông tin liên quan đến các kết quả nghiên cứu. Điều này đòi hỏi các Trường đại học phải đảm bảo rằng kết quả nghiên cứu được bảo vệ và quản lý hiệu quả thông qua hệ thống quản lý TSTT<sup>16</sup>. Khi tham gia vào các giao dịch thương mại hoá TSTT, bên cạnh giá trị thị trường, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo cũng cần đánh giá năng lực bảo vệ và thực thi quyền SHTT của mình, nếu không, có thể dẫn đến thiệt hại về tài chính, đặc biệt khi cơ sở nghiên cứu, đào tạo đã đầu tư đáng kể vào khâu nghiên cứu và phát triển để tạo ra TSTT đó.

Các TSTT có đặc điểm khi đã bộc lộ, công bố sẽ dễ dàng bị chủ thể khác chiếm đoạt, sử dụng, khai thác. Vì vậy, ngay từ quá trình nghiên cứu để tạo lập TSTT, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo cần lưu ý đến các biện pháp bảo mật thông tin liên quan đến TSTT như: xây dựng Nội quy lao động hoặc Quy chế bảo mật trong nội bộ; Quy chế sử dụng máy tính/mạng...; sử dụng hợp đồng lao động hoặc các hợp đồng khác để xác định tác giả, chủ sở hữu của TSTT được tạo ra theo nhiệm vụ hoặc theo hợp đồng; đưa các điều khoản về

---

<sup>16</sup> Intellectual Property Office, tldd

trách nhiệm bảo mật trong các hợp đồng lao động, thuê khoán công việc, hợp đồng nghiên cứu... giữa cơ sở nghiên cứu, đào tạo với các bên liên quan.

Để quản lý TSTT của cơ sở nghiên cứu, đào tạo, trước hết, tổ chức phải xây dựng các chiến lược, chính sách, văn bản và quy trình quản lý TSTT. Các chiến lược, chính sách về xác lập quyền SHTT, khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chính sách giám sát quyền sở hữu trí tuệ, chính sách thực thi quyền sở hữu trí tuệ... Hệ thống các văn bản quản lý TSTT như: Văn bản Quy định về hoạt động SHTT; Văn bản quy định về thực thi quyền SHTT; Văn bản quy định về sáng kiến, đổi mới và khai thác thương mại tài sản trí tuệ; chế độ tài chính cho hoạt động SHTT của tổ chức; Quy chế về bảo mật thông tin và bí mật kinh doanh. Xây dựng quy trình quản lý TSTT trong cơ sở nghiên cứu, đào tạo: Quy trình phát hiện, khai báo, ghi nhận và xác lập quyền SHTT; Quy trình khai thác, sử dụng TSTT trong quá trình nghiên cứu, đào tạo, hợp tác, phát triển hoạt động của tổ chức; Quy trình bảo vệ TSTT...

Khi khai thác thương mại TSTT qua các hình thức như chuyển giao quyền sử dụng, trao đổi quyền sử dụng (li xăng chéo), dùng TSTT để liên doanh, liên kết... cơ sở nghiên cứu, đào tạo cần quan tâm đến những điều khoản bảo vệ TSTT như: xác định chủ sở hữu, người có quyền sử dụng, phạm vi sử dụng, thời hạn sử dụng, giám sát việc sử dụng... để ràng buộc trách nhiệm của đối tác để phòng ngừa xâm phạm TSTT từ phía bên kia hoặc từ các chủ thể khác. Để bảo vệ dữ liệu thông tin độc quyền của cơ sở nghiên cứu, đào tạo khi tham gia vào mạng lưới liên kết với đối tác trong cuộc cách mạng số mà cốt lõi của nó là Internet kết nối vạn vật (IoT), cơ sở nghiên cứu, đào tạo cần quan tâm đến những điều khoản trong hợp đồng liên quan đến việc trao đổi thông tin, dạng thông tin, quyền sử dụng thông tin, quyền lợi được sử dụng thông tin... để ràng buộc tranh nhiệm giữa các bên và làm cơ sở giải quyết tranh chấp.

Xuất phát từ bản chất vô hình của TSTT, các hành vi xâm phạm đối với loại tài sản đặc biệt này cũng diễn biến hết sức phức tạp, đa dạng với những thủ đoạn ngày càng tinh vi, đặc biệt là trong bối cảnh bùng nổ của những công nghệ mới trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Nội dung bảo vệ TSTT trong chiến lược quản lý của cơ sở nghiên cứu, đào tạo thường tập trung vào các nhóm sau: (i) Các biện pháp công nghệ, kỹ thuật nhằm can thiệp để bảo mật, ngăn chặn hành vi xâm phạm; (ii) Các biện pháp ứng xử với người xâm phạm như yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm phải chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại; (iii) Các biện pháp sử dụng quyền lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm theo quy định của pháp luật; phương án lựa chọn các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm bao gồm biện pháp hành chính, dân sự hoặc hình sự, trong trường hợp cần thiết, có thể áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời, các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt vi phạm hành chính, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.

Trong bối cảnh phát triển như vũ bão của công nghệ AI, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo cũng cần nhận thức được những nguy cơ xâm phạm quyền tác giả liên quan đến công nghệ AI. *Thứ nhất*: Thuật toán AI có thể được sử dụng để đào tạo, huấn luyện AI tạo ra các sản phẩm có chứa đựng yếu tố xâm phạm quyền tác giả đang được bảo hộ. Vấn đề đặt ra là chủ thể nào sẽ chịu trách nhiệm pháp lý nếu AI xâm phạm quyền tác giả của bên thứ ba mà không có sự can thiệp của con người và hành vi xâm phạm đó là không thể lường trước. Do

công nghệ AI có khả năng tự phân tích và tái tạo dữ liệu, do đó, những người quản lý hoặc điều khiển AI có thể không đóng vai trò trong quá trình phát triển và tạo ra đối tượng xâm phạm và họ cũng không lường trước được việc đối tượng do AI tạo ra có thể xâm phạm quyền SHTT của chủ thể khác. Trong trường hợp này, cuối cùng ai sẽ là người phải chịu trách nhiệm cho hành vi xâm phạm của AI vì bản thân AI không phải là thực thể có khả năng gánh chịu các trách nhiệm pháp lý. *Thứ hai:* Công nghệ AI có khả năng làm vô hiệu hoá các biện pháp bảo vệ quyền tác giả được chủ thể quyền sử dụng hoặc có khả năng vượt qua các biện pháp an ninh mạng và trốn tránh sự phát hiện. Như công nghệ “học máy” có thể được tối ưu để phát hiện và vô hiệu hoá các biện pháp an ninh mạng, vượt qua các biện pháp phòng thủ để trốn tránh sự phát hiện. Hơn nữa, các công cụ xử lý ngôn ngữ tự nhiên có thể được sử dụng để sản xuất các video âm nhạc giả mạo hay các bản sao vi phạm. Không những thế, khả năng đa dạng của AI khiến nó trở nên hấp dẫn đối với các tác nhân độc hại. Do đó, tội phạm xâm phạm bản quyền với sự hỗ trợ của công nghệ AI có thể được thực hiện trên quy mô lớn và nhắm vào hàng nghìn nạn nhân cùng một lúc. *Thứ ba:* Nguy cơ xâm phạm quyền tác giả liên quan đến dữ liệu đầu vào để đào tạo AI. Để đào tạo AI thường cần một lượng dữ liệu đáng kể (thậm chí còn được gọi là “dữ liệu lớn”). Nếu một phần dữ liệu đào tạo đang được bảo vệ bản quyền thì việc sử dụng dữ liệu đó – ngay cả cho mục đích đào tạo – về nguyên tắc phải được sự cho phép trước của chủ sở hữu bản quyền. Vụ kiện giữa tờ báo New York Times và ChatGPT, Microsoft vào cuối năm 2023 đang đặt ra vấn đề sử dụng tác phẩm để huấn luyện AI, dù chưa được chủ sở hữu bản quyền cấp phép. Tờ New York Times cáo buộc rằng OpenAI thông qua ứng dụng ChatGPT đã sử dụng những thông tin, tài liệu từ hàng triệu bài báo của họ, để tạo ra những bản tin cạnh tranh trực tiếp với họ. Hệ quả là OpenAI đã thu về hàng triệu đô la Mỹ, đồng thời lấy đi một phần độc giả của New York Times. Đáp trả lại, OpenAI cho rằng vụ kiện này là “không có căn cứ” (without merit). OpenAI đã sử dụng học thuyết sử dụng hợp lý (fair use) làm căn cứ cho việc sử dụng tác phẩm để huấn luyện AI. Việc sử dụng tác phẩm đã có như nguyên liệu đầu vào để huấn luyện AI có thuộc trường hợp sử dụng hợp lý, với mục đích chính đáng hay không cũng là vấn đề cần được nghiên cứu, xem xét. Do đó, khi sử dụng AI vào hoạt động của mình, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo cần lưu ý đến trách nhiệm bảo đảm tính an toàn, bảo mật, tuân thủ pháp luật và đạo đức xã hội.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Công ước Berne về bảo hộ tác phẩm văn học và nghệ thuật năm 1886 (sửa đổi năm 1979), <https://www.wipo.int/wipolex/en/text/283698>
2. Đạo luật Quyền tác giả, Thiết kế và Sáng chế của Vương Quốc Anh năm 1988 <https://www.legislation.gov.uk/ukpga/1988/48/section/178>
3. Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ được sửa đổi bởi Nghị định thư 2005 sửa đổi Hiệp định TRIPS, [https://www.wto.org/english/docs\\_e/legal\\_e/trips\\_e.htm#art1](https://www.wto.org/english/docs_e/legal_e/trips_e.htm#art1)
4. Andres Guadamuz, University of Sussex, United Kingdom “*Artificial intelligence and copyright*”, October 2017, [https://www.wipo.int/wipo\\_magazine/en/2017/05/article\\_0003.html](https://www.wipo.int/wipo_magazine/en/2017/05/article_0003.html)

5. Jozefien Vanherpe “AI and IP – Great Expectation”  
[https://www.researchgate.net/publication/356811479\\_AI\\_and\\_IP\\_-\\_Great\\_Expectations](https://www.researchgate.net/publication/356811479_AI_and_IP_-_Great_Expectations)
6. Snijders, C; Matzat, U và Reips, U (2012), “Big Data: Big gaps of knowledge in the field of Internet”, *International Journal of Internet Science*,  
[https://www.researchgate.net/publication/231021899\\_Big\\_Data\\_Big\\_Gaps\\_of\\_Knowledge\\_in\\_the\\_Field\\_of\\_Internet\\_Science](https://www.researchgate.net/publication/231021899_Big_Data_Big_Gaps_of_Knowledge_in_the_Field_of_Internet_Science)
7. Xiaomeng Su (2108), *Introduction to Big Data*, Institutt for informatikk og e-læring ved NTNU, <https://lagesoft.files.wordpress.com/2018/11/bd-introduction-to-big-data.pdf>
8. Intellectual Property Office, “Intellectual Asset Management for Universities”,
9. [https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment\\_data/file/308072/ipasset-management.pdf](https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment_data/file/308072/ipasset-management.pdf)
10. WIPO: “Management of academic intellectual property and early stage innovation in countries in transition”,  
[https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo\\_pub\\_transition\\_2.pdf](https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_transition_2.pdf)
11. <https://www.copyright.gov/ai/docs/district-court-decision-affirming-refusal-of-registration.pdf>
12. <https://www.dechert.com/knowledge/onpoint/2023/8/u-s--district-court-rules-that-ai-generated-artwork-is-not-eligible.html>
13. <https://www.copyright.gov/docs/zarya-of-the-dawn.pdf>